TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HC-PT
Ngày 31 - 01 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 864/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 793/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1971; Địa chỉ: đường G, phường T, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Đình T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Trinh N, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: chung cư N, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/12/2020 tại Văn phòng công chứng Sài Gòn).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T – Chức vụ: Chủ tịch. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/. Ông Phạm Hoàng Anh T – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Th. (có mặt)

2/. Bà Huỳnh Thị Kim O – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Th. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Th:

1.1/. Ông Phạm Hoàng Anh T – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Th. (có mặt)

1.2/. Bà Huỳnh Thị Kim O – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Th. (có mặt)

2/. Bà Đồng Thị Th, sinh năm 1975. (vắng mặt)

3/. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường số 29, khu phố L, phường L1, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố Th, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Văn Q trình bày:

Từ tháng 9/1989 ông Q mua khoảng 500m^2 đất vườn của ông Nguyễn Văn Đ; mua theo hình thức trả góp. Đến ngày 19/3/1996 ông Q trả đủ tiền mua đất của ông Đ, ông Đ mới làm Giấy chuyển nhượng đất cho ông Q. Ông Q làm nhà tạm từ tháng 9/1989, xây dựng nhà cấp 4 đăng ký tạm trú tại nhà ông Đ (Tổ 42, Ấp 4, phường A, Quận 2) và được cấp Sổ đăng ký tạm trú có thời hạn.

Ngày 16/01/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND-QLĐT, xử phạt nguội ông Q, bà Th. Tám năm sau, ngày 23/3/2009, Ủy ban nhân dân Quận 2 lập bản vẽ hiện trạng thu hồi đất của ông Q với diện tích chuồng trại lên đến 434,76m^2.

Ngày 05/7/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định sô 8962/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông Phạm Văn Q với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là 425.660.300 đồng, về tái định cư: không đủ điều kiện tái định cư.

Bản án hành chính số 1439/2016/HC-PT ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: *"Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại 493,59m^2 đất bị thu hồi thuộc khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T đối với*

hộ ông Phạm Văn Q, tại căn nhà (thửa đất) không số, tổ 42, ấp 4, phường A, Quận 2 theo đúng quy định của pháp luật".

Ngày 09/6/2020, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 1705/QĐ.UBND "về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ.UBND ngày 11/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Trong mục B Quyết định 1705/QĐ.UBND ghi "giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất được điều chỉnh":

Đất ở chuyển mục đích sử dụng từ năm 2000 đến trước ngày 20/12/2001: 29,13m^2 x 2.000.000đ/m^2 = 17.478.000đ.

Ngày 18/9/2020, Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận 2 (nay là thành phố Th) giao cho ông Q Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 "Về thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 và điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/06/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2".

Theo Quyết định số 3045/QĐ-UBND (kèm theo Bảng chiết tính điều chỉnh số 2808/ALĐ.ĐC ngày 31/3/2020), ông Q được nhận bổ sung là 240.031.200 đồng. Như vậy, về hình thức Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 thay đổi Quyết định 1705/QĐ-UBND bằng Quyết định 3045/QĐ-UBND. Về nội dung thì giống nhau, cùng "đính kèm Bảng chiết tính điều chỉnh số 2808/ALĐ.ĐC ngày 31/3/2020" và ông Q đều được nhận bổ sung là 240.031.200 đồng.

Cách tính hạn mức đất ở sai, đất ở không phải là 29,13m^2 mà là 200m^2.

Cách tính đơn giá đất ở sai, đất ở tính từ năm 2006, cách nay 14 năm.

Hiện nay, ông Q vẫn chưa được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 3045/QĐ-UBND.

Việc ban hành Quyết định số 3045/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Do đó, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2. Buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Th) bồi thường diện tích đất thu hồi 493,59m^2 như sau: Bồi thường đất ở: 200m^2 x 50.000.000 đồng/m^2 = 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng; Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khu vực 1, vị trí 1: 293,59m^2 x 190.000 đồng/m^2 = 55.782.000 (năm mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn) đồng; Đất liền kề: 293,59m^2 x 40% x 50.000.000 đồng/m^2 = 5.871.800.000 (năm tỷ tám trăm bảy mươi mốt triệu tám trăm nghìn) đồng. Tổng cộng 15.927.582.000 (mười lăm tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Theo nội dung Văn bản số 3335/UBND-BBT ngày 01/6/2021, phía người

bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Phần nhà, đất tọa lạc tại vị trí không số, tổ 42, ấp 4, phường A, Quận 2 do ông Phạm Văn Q sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa Khu đô thị mới T theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/3/2020, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới T ký Bảng chiết tính số 2808/ALĐ-ĐC đối với ông Phạm Văn Q như sau:

- Đất ở chuyển mục đích sử dụng từ năm 2000 đến trước ngày 20/12/2001 (thuộc Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Văn Đ): 29,13m^2.
- Đất nông nghiệp san lấp: 448,36m^2.
- Đất nông nghiệp: 3,01m^2.
- Rạch theo TL bản đồ 2002: 13,09m^2 (không tính bồi thường).
- Chính sách tái định cư và hỗ trợ tái định cư:

1/. Đối với đất ở:

1.1/. Trường hợp tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá không kinh doanh với diện tích tiêu chuẩn là: 29,13m^2.

Trường hợp nhận toàn bộ tiền từ chính sách tái định cư: 29,13m^2 x 8.000.000 đồng/m^2 = 233.040.000 đồng.

Đối với đất nông nghiệp: Diện tích tiêu chuẩn được hưởng từ chính sách tái định cư được quy đổi cụ thể như sau: 451,37m^2 x 4,5% = 20,31165m^2.

Giá trị hỗ trợ từ chính sách mua căn hộ chung cư: 20,31165m^2 x 16.000.000đồng/m^2 = 324.986.400 đồng.

Ngày 09/6/2020, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 1705/QĐ-UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 đối với ông Phạm Văn Q với tổng số tiền là 456.518.000 đồng, về tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá không kinh doanh với diện tích tiêu chuẩn là: 29,13m^2.

Ngày 18/9/2020, Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 3045/QĐ-UBND về thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 đối với ông Phạm Văn Q với tổng số tiền là 689.558.000 đồng (do ông Phạm Văn Q chọn phương thức nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, không đăng ký tái định cư).

Việc ông Phạm Văn Q yêu cầu hủy Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Th) cụ thể bồi thường hạn mức đất ở theo quy định khi ông Q tự chuyển mục đích làm nhà ở thời điểm năm 1996; Bồi thường đất liền kề theo quy định; Tái định cư 200m^2 đất nền trong

hoặc liền kề Khu đô thị mới T theo giá bán không kinh doanh là không có cơ sở giải quyết, bởi:

Theo bản vẽ hiện trạng của ông Phạm Văn Q do Công ty Đo đạc địa chính và công trình lập ngày 23/3/2009 thì tại ô số 2 thể hiện là nhà kết cấu nền gạch men, cột sắt, tường gạch + tôn, mái tôn được xây dựng vào năm 2001 (trước ngày 20/12/2001). Sau năm 2002 có xây dựng và sửa chữa mới thêm.

Hộ ông Phạm Văn Q có tên trong danh sách các hộ được công nhận Gia đình văn hóa năm 2001; Ông Q có đóng quỹ An ninh Quốc phòng theo danh sách ký ngày 10/5/2001; Ông Q có tên trong danh sách đóng Quỹ phòng chống lụt bão năm 2001.

Theo xác nhận tình trạng đóng thuế nhà, đất lập ngày 17/6/2009: ông Q không kê khai đóng thuế tại phường.

Theo kê khai nhà, đất năm 1999: ông Q không kê khai.

Theo sơ đồ nền: không thể hiện nhà.

Theo tài liệu bản đồ năm 2002: có thể hiện công trình xây dựng với diện tích 28,33m^2, thửa 53 đứng tên ông Phạm Văn Q.

Theo quy định tại tiểu tiết 1.2.4, Điểm b.4, Mục b, Khoản 3, Điều 3 Quyết định 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố, quy định:

"b.1.2.4- Đất ở chuyển mục đích sử dụng từ ngày 16 tháng 9 năm 1998 đến trước ngày 20 tháng 12 năm 2001 (ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chỉ thị số 34/2001/CT-UB về việc tăng cường quản lý tại Khu đô thị mới T đối với Khu đô thị mới T) tính hỗ trợ không quá 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường (nhưng không cao hơn mức giá bồi thường đất ở quy định tại tiểu tiết b.1.2.3 trên và không thấp hơn mức hỗ trợ của đất ở có nguồn gốc chiếm dụng, có cùng thời điểm sử dụng; không thấp hơn đơn giá bồi thường đất trồng cây lâu năm ở cùng vị trí khu vực đất). Trường hợp hộ dân có nhu cầu về chỗ ở được bán 01 căn hộ chung cư có diện tích không quá 80m^2 theo giá không kinh doanh. Trường hợp không mua căn hộ chung cư thì được hỗ trợ giá theo quy định tại điểm a.6, mục a, khoản 3, Điều 3 theo diện tích căn hộ chung cư được tái bố trí nhưng không quá 80m^2/hộ".

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân thành phố Th ban hành Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 đối với ông Phạm Văn Q là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Hiện nay, Ban quản lý dự án chưa chuyển tiền cho Ủy ban nhân dân thành phố Th để chi trả tiền cho ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th trình bày: Thống nhất với ý kiến đã trình bày của người bị kiện và

không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Th và ông Phạm Văn H trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 793/2023/HC-ST ngày 24/5/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của ông Phạm Văn Q cụ thể như sau:

Hủy một phần Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Th) về "thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2" đối với nội dung quy định tại Điều 2 của Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020.

Ủy ban nhân dân thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phần diện tích đất bị thu hồi thuộc khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T đối với hộ ông Phạm Văn Q theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/6/2023, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi của UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q.

Đại diện người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người

khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th kháng cáo không đồng ý việc xác định phần diện tích đất 178,6m^2 là đất ở, được bồi thường theo đơn giá đất ở; không đồng ý xác định trách nhiệm chậm bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

[2.2]. Xét thấy, nhà và đất của ông Q tọa lạc tại địa chỉ không số, tổ 42, ấp 4, phường A, Quận 2, diện tích 493,59m^2 thuộc một phần các thửa 137, 138, 139 (tài liệu 299/TTg), nay thuộc thửa 53 và rạch diện tích 13,09m^2 tờ bản đồ số 5 (theo tài liệu bản đồ 2002). Thể hiện trên hai bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty đo đạc Đ lập cùng ngày 23/9/2009 đều thuộc khu quy hoạch Đô thị mới T. Nguồn gốc nhà đất nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn Đ (ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00352/QSDĐ ngày 14/01/2000 với mục đích sử dụng: lúa).

Theo nội dung Bản án Hành chính phúc thẩm số 1439/2016/HC-PT ngày 29/12/2016 về khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì Hội đồng xét xử phúc thẩm đã nhận định: Phía người bị kiện cho rằng phần diện tích đất của ông Q nằm trọn trong phần diện tích đất của ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2000 và khi đó thể hiện trên đất của ông Đ không có công trình xây dựng. Đến ngày 04/01/2001 khi bà Th là chị ông Q xây dựng bị xử phạt vi phạm hành chính trong đó có phần xây dựng của ông Q là 29,13m^2 (theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 137/QĐ-UB-QLĐT ngày 06/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2), phần diện tích xây dựng còn lại xác định xây dựng sau ngày 20/12/2001 là không có cơ sở, vì theo bản vẽ lập ngày 22/12/2000 của Đoàn đo đạc bản đồ, thì phần diện tích mà ông Q xây dựng lên đến 178,6m^2. Phù hợp với lời khai của ông Q là quá trình sử dụng nhà đất tại địa chỉ bị thu hồi ông Q đã liên tục cơi nới, sửa chữa làm tăng diện tích xây dựng tại đây lên 434,76m^2. Lời khai của ông Q phù hợp với bản vẽ hiện trạng ngày 23/3/2009 đã xác định phần diện tích xây dựng vào thời điểm thu hồi là 434,76m^2.

Về nguồn gốc và quá trình tạo lập nhà, đất thì Bản án phúc thẩm cũng nhận

định: Ông Q sang nhượng đất của ông Đ từ năm 1989 sau khi sang nhượng ông đã dựng nhà lá để ở và chăn nuôi heo, gà tại đây và vào thời điểm này do ông chưa có đủ tiền trả hết cho ông Đ nên ông Đ chưa làm giấy sang nhượng cho ông. Đến ngày 19/3/1996 sau khi ông thanh toán tiền đầy đủ cho ông Đ thì ông Đ đã làm giấy tay sang nhượng cho ông; từ đây ông đã cơi nới và xây dựng bốn căn nhà trong đó có hai căn để ở, hai căn để chăn nuôi đến nay. Quá trình ở tại đây do nhà không có số nên ông mượn địa chỉ nhà ông Đ số 512/70, tổ 2, ấp 4, phường A, Quận 2 để đăng ký tạm trú; quá trình đăng ký tạm trú có đổi sổ nhiều lần, ông không còn lưu lại bản sao của những sổ cũ; khi ở tại đây ông chăn nuôi gà, heo phát triển tốt, được kết nạp và cấp thẻ vào Hội Nông dân từ năm 1995. Ngoài ra, ông còn có thẻ đưa đón con đi học (thẻ đưa đón học sinh) cấp ngày 05/9/2001 của Trường mẫu giáo V; hàng năm ông đều đăng ký "Gia đình văn hóa", cụ thể ông đăng ký gia đình văn hóa năm 2001 và được cấp giấy chứng nhận "Gia đình văn hóa năm 2002. Đồng thời vào thời điểm 2001, trước tháng 9/2002 (thời điểm ông Q đăng ký tạm trú) ông Q có đóng quỹ phòng chống bão lụt, quỹ an ninh quốc phòng của phường. Điều này cho thấy ông Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân tại nơi có đất bị thu hồi trước ngày 20/12/2001.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố) thì: Đất ở của hộ gia đình cá nhân là đất để xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt như bếp, sân, giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh, lối đi, chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà kho, nơi để thức ăn gia súc, gia cầm, nơi để chất đốt, nơi để xe hoặc đất được cơ quan có thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích làm nhà ở nhưng chưa xây dựng nhà ở, đã hoàn tất thủ tục sử dụng đất và san lấp mặt bằng.

Từ những nhận định của Bản án phúc thẩm nêu trên, đối chiếu quy định về đất ở, có cơ sở xác định phần diện tích 178,6m^2 công trình xây dựng trước 20/12/2001 là loại đất ở. Vì vậy, phần diện tích này phải được bồi thường, hỗ trợ theo đúng nội dung bản án đã tuyên.

UBND thành phố Th xác định diện tích đất ở được bồi thường của hộ ông Q là 29,13m^2 là không phù hợp với bản đồ hiện trạng do Đoàn Đo đạc bản đồ Sở Địa chính nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 22/12/2000 và Bản án phúc thẩm số 1439/2016/HC-PT đang có hiệu lực thi hành.

[2.3]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện bồi thường: Căn cứ theo Bản án phúc thẩm số 1439/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì Quyết định số 8962/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về việc "bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tái định cư"; Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 về việc "điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 8962/QĐ-UBND ngày 05/7/2010" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 đã ban hành chưa đúng pháp luật. Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 là quyết định bồi thường, hỗ trợ được ban

hành khi thực hiện bản án phúc thẩm của Tòa án. Tuy nhiên, khi thực hiện việc bồi thường theo Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020, Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Th) chưa xem xét đến quy định về bồi thường chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông Q. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định như đã nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Th khi thực hiện bồi thường lại cần xem xét đến nội dung này là có căn cứ.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; kháng cáo của UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ tuyên hủy Điều 2 của Quyết định số 3045/QĐ-UBND mà không tuyên hủy Điều 3 của Quyết định trong khi có nhận định là có thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung nội dung của phần quyết định nêu trên.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 793/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của ông Phạm Văn Q cụ thể như sau:

Hủy một phần Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Th) về "thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 và điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 7769/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2" đối với nội dung quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 18/9/2020.

Ủy ban nhân dân thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phần diện tích đất bị thu hồi thuộc khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T đối với hộ ông Phạm Văn Q theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001727, 0001728 ngày 06/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (5);
- Lưu VP (3), HS (2).15b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng